

**SFS-200®**

**HỆ THỐNG CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG BẰNG KHÍ HFC-227ea (FM-200)**



**SFS-200® S-TEC VINA**

- 🌀 Công ty liên doanh của S-TEC SYSTEM - Hàn Quốc
- 🌀 Nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Đồng Văn IV – Hà Nam
- 🌀 Hàng có sẵn tại Việt Nam - Kiểm định thiết bị theo quy định pháp luật theo ND 136/2020/NĐ-CP
- 🌀 Dung tích bình khí 40L, 82.5L, 140L, 180L, 220L
- 🌀 Áp suất hệ thống 25 bar / 42 bar / 50 bar
- 🌀 Phần mềm tính toán VdS / KFi
- 🌀 Khí chữa cháy HFC-227ea (FM-200) đạt chuẩn UL Listed (EX 28624) , FM Approved (FM23FPUS0263)
- 🌀 Chứng nhận chất lượng BS EN ISO 9001:2015 (UKAS)
- 🌀 Chứng nhận BS EN ISO 14001:2015, ISO 45001:2018

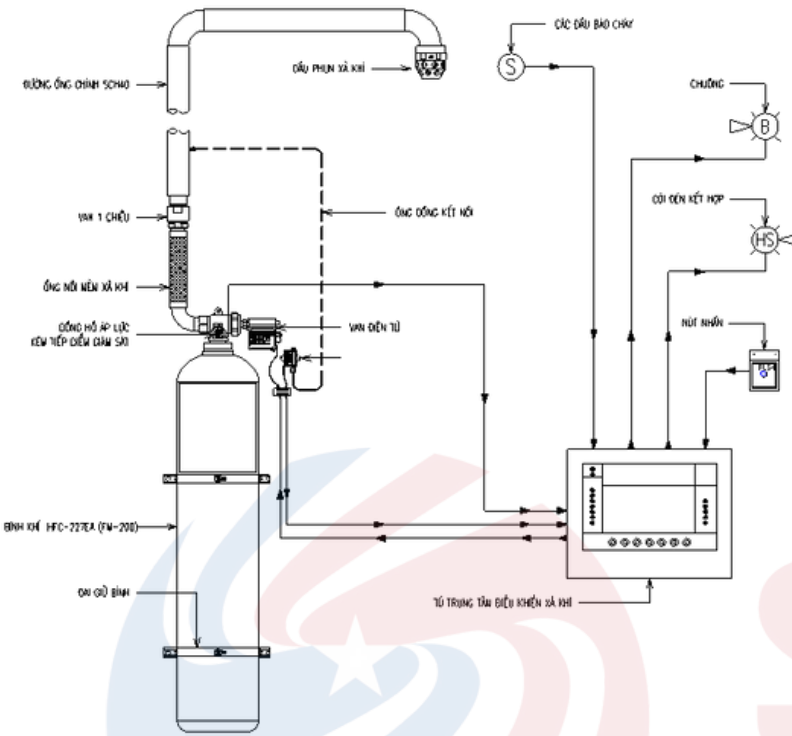


| Loại bình | Lượng nạp HFC-227ea (FM-200) |             | Áp suất làm việc (*)   |
|-----------|------------------------------|-------------|------------------------|
|           | Tối thiểu (kg)               | Tối đa (kg) |                        |
| 40L       | 16                           | 42          | 25 bar/ 42 bar/ 50 bar |
| 82.5L     | 33                           | 86          | 25 bar/ 42 bar/ 50 bar |
| 140L      | 56                           | 147         | 25 bar/ 42 bar/ 50 bar |
| 180L      | 72                           | 189         | 25 bar/ 42 bar/ 50 bar |
| 220L      | 88                           | 231         | 25 bar/ 42 bar/ 50 bar |

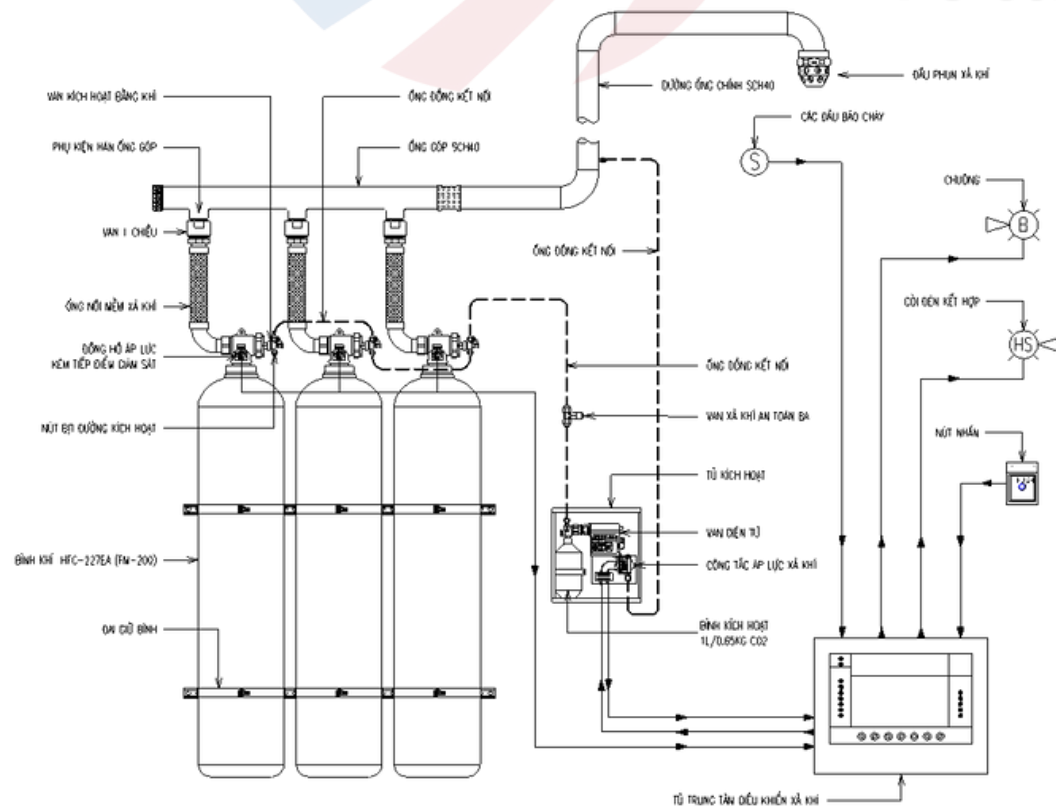
(\*): Mức áp suất làm việc khác: 25 bar, 32 bar, 34 bar, 55 bar, 60 bar, 80 bar S-TEC VINA có thể cung cấp theo yêu cầu

| Mã hàng                          | SFS-C220                           | SFS-180                           | SFS-C140                          | SFS-C82.5                        | SFS-C40                        |
|----------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| Dải nạp HFC-227ea ( FM-200)      | 88kg - 231kg<br>(194lbs - 509 lbs) | 72kg - 189kg<br>(159lbs - 417lbs) | 56kg - 147kg<br>(159lbs - 417lbs) | 33kg - 86kg<br>(159lbs - 190lbs) | 16kg - 42kg<br>(35lbs - 93lbs) |
| Chiều cao (± 20mm)               | 2090 mm                            | 1750 mm                           | 1405 mm                           | 1850 mm                          | 985 mm                         |
| Đường kính (± 1%)                | 406 mm                             |                                   |                                   | 267 mm                           |                                |
| Thể tích bên trong               | 220 lít                            | 180 lít                           | 140 lít                           | 82.5 lít                         | 40 lít                         |
| Áp suất nạp                      | 25 bar/ 42 bar/ 50 bar             |                                   |                                   |                                  |                                |
| Khối lượng bình rỗng (± 5%)      | 215 kg                             | 175 kg                            | 144 kg                            | 92 kg                            | 53 kg                          |
| Vật liệu của bình                | Thép 34CrMo4                       |                                   |                                   |                                  |                                |
| Màu sơn của bình                 | Sơn tĩnh điện màu đỏ RAL3000       |                                   |                                   |                                  |                                |
| Áp suất nạp tối đa của bình      | 200 bar                            |                                   |                                   |                                  |                                |
| Áp suất thử nghiệm vỏ bình       | 300 bar                            |                                   |                                   |                                  |                                |
| Áp suất thử nổ vỏ bình tối thiểu | 480 bar                            |                                   |                                   |                                  |                                |
| Tiêu chuẩn kỹ thuật vỏ bình      | ISO 9809-1, TPED, PI               |                                   |                                   |                                  |                                |
| Áp suất nạp tối đa van đầu bình  | 147 bar (2132 psi)                 |                                   |                                   |                                  |                                |
| Áp suất thử nghiệm van đầu bình  | 245 bar ( 3553 psi)                |                                   |                                   |                                  |                                |
| Vật liệu chế tạo van đầu bình    | Đồng mạ Niken                      |                                   |                                   |                                  |                                |
| Nhiệt độ môi trường hoạt động    | 0°C đến 54°C                       |                                   |                                   |                                  |                                |

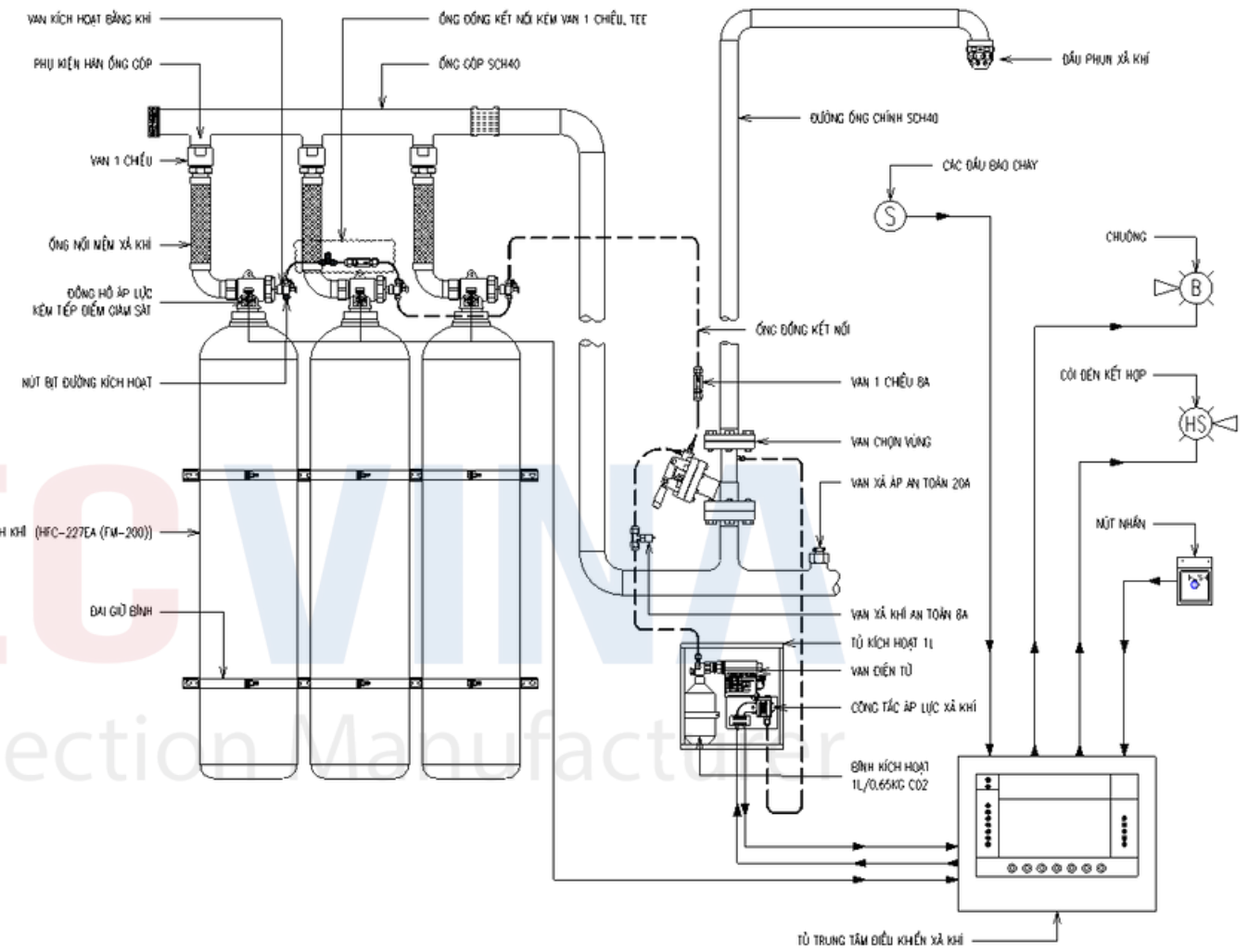
**HỆ THỐNG CHỮA CHÁY KHÍ HFC-227ea (FM-200) SỬ DỤNG BÌNH ĐƠN**



**HỆ THỐNG CHỮA CHÁY KHÍ HFC-227ea (FM-200) SỬ DỤNG CỤM BÌNH**



**HỆ THỐNG CHỮA CHÁY KHÍ HFC-227ea (FM-200)  
SỬ DỤNG CỤM BÌNH VÀ VAN CHỌN VÙNG**



**PHÂN PHỐI BỞI**



Phiên bản: số 1/2025